

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2017/HSST

Ngày: 10 - 8 - 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Phương Hoa.

2. Trần Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Phú Cường – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2017/TL-HSST ngày 17 tháng 7 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1984 tại T, Thái Bình; Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1950 và bà Trịnh Thị V, sinh năm 1952; Gia đình có 4 anh em, T2 là con thứ 3; Có vợ là Ngân Thị S, sinh năm 1987; Có 2 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Từ tháng 2 năm 2003 đến tháng 7 năm 2004 tham gia nghĩa vụ quân sự tại N 692, S 301, QT; Tạm giữ từ ngày 13 tháng 4 năm 2017 đến ngày 22 tháng 4 năm 2017 chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

2. **Đoàn Hữu T**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1988 tại T, Thái Bình; Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Đoàn Hữu S, sinh năm 1961 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1964; Gia đình có 2 anh em, T1 là con thứ 2; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Từ

tháng 3 năm 2008 đến tháng 8 năm 2009 tham gia nghĩa vụ quân sự tại N 43, S 395, Q 3; Tạm giữ từ ngày 13 tháng 4 năm 2017 đến ngày 22 tháng 4 năm 2017 chuyển tạm giam cho đến nay. *(Có mặt)*

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Thái C, sinh năm 1976; Địa chỉ: số nhà 02/01, tổ 6, phường K, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 13 tháng 4 năm 2017, Nguyễn Hữu T gọi điện rủ Đoàn Hữu T góp tiền mua ma túy về sử dụng, T1 đồng ý và bảo T2 chờ ở nhà, sau đó T1 đi sang nhà anh Trịnh Quang T, sinh năm 1992, địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình (là anh họ T1) mượn xe máy Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 30H5-8793 đi đến nhà T2. Khi gặp nhau, T1 nói “*tao có 750.000 đồng*”, T2 nói “*vậy tao cũng góp 750.000 đồng cùng đi mua ma túy rồi về chia đôi*”, T1 lấy tiền đưa cho T2. Sau đó, T1 điều khiển xe máy chở T2 lên đến khu vực cầu C, thuộc phường Q, thành phố Thái Bình thì vào uống nước. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T2 quan sát thấy có một người phụ nữ khoảng 40 tuổi, đeo khẩu trang, đang bán ma túy cho một người khác trong một ngõ nhỏ gần quán nước T2 và T1 đang ngồi. T2 gọi T1 lấy xe chở T2 đến đầu ngõ, T2 xuống xe, đến gặp người phụ nữ, T2 hỏi “*có ma túy không bán cho 1.500.000 đồng*”, người phụ nữ nói “*có*”, T2 đưa tiền cho người phụ nữ, người phụ nữ cầm tiền rồi đưa cho T2 một túi nilon trong suốt bên trong có chứa chất ma túy, lúc này T1 vẫn ngồi trên xe, cách T2 khoảng 01 mét, T2 cầm túi ma túy vừa mua lên xe máy điều khiển chở T1 đi đến khu vực ngõ 45, đường H2, thuộc tổ 49, phường Q, thành phố Thái Bình thì bị Tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện T1 và T2 có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của anh Nguyễn Thái C, Tổ công tác đã thu giữ tại lòng bàn tay trái của T2 một túi nilon trong suốt bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, T2 khai nhận đó là Hêrôin, T2 và T1 vừa mua của một người phụ nữ không quen biết với giá 1.500.000 đồng, mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng hợp pháp gửi giám định, và quản lý của T1 01 xe máy Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 30H5-8793.

Kết luận giám định số 125/KLGD-PC54 ngày 14 tháng 4 năm 2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định thu của Nguyễn Hữu T là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có trọng lượng 2,0263 gam *(hai phẩy không nghìn hai trăm sáu mươi ba gam)*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Hữu T và Đoàn Hữu T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đối với hai chiếc điện thoại di động T2, T1 sử dụng để gọi điện rủ nhau đi mua ma túy, các bị cáo đều khai khi lên thành phố mua ma túy, các bị cáo để tại nơi ở, cơ quan điều tra đã phối hợp với gia đình của T2, T1 đã tìm kiếm nhưng không thấy.

Cáo trạng số 127/KSĐT ngày 17 tháng 7 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Nguyễn Hữu T và Đoàn Hữu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T, bị cáo Đoàn Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T mức án tù từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Đoàn Hữu T mức án tù từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2017.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Nguyễn Hữu T hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 125/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

Bị cáo Nguyễn Hữu T và Đoàn Hữu T đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Hữu T và Đoàn Hữu T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Do bản thân điều nghiện ma túy, nên ngày 13 tháng 4 năm 2017 Nguyễn Hữu T rủ Đoàn Hữu T góp tiền mua ma túy về sử dụng, T1 đồng ý, và mỗi người góp 750.000 đồng. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, tại khu vực C, thuộc phường Q, thành phố Thái Bình, Nguyễn Hữu T và Đoàn Hữu T đã gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết 01 túi ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng 2,0263 gam, với giá 1.500.000 đồng, mục đích để sử dụng, bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì *“Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”*.

Hành vi của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai người làm chứng, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của Nguyễn Hữu T và Đoàn Hữu T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, ma túy không những gây tác hại cho sức khỏe, phá hoại hạnh phúc của bao gia đình mà còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội. Các bị cáo đều là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu T và Đoàn Hữu T đủ yếu tố cấu thành tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 còn quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm*

nhệm chức vụ, cầm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều là lao động tự do, tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không vì mục đích vụ lợi. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nguyễn Hữu T là người đề xuất rủ rê Đoàn Hữu T cùng góp tiền mua ma túy về sử dụng, T2 là người cầm tiền và trực tiếp giao dịch mua ma túy, do đó T2 đứng vai trò thứ nhất và chịu hình phạt cao hơn T1. Đối với Đoàn Hữu T sau khi T2 rủ rê đã tiếp nhận ngay ý chí của T2, cùng góp tiền và cùng T2 đi ma túy, do đó T1 giữ vai trò sau T2 và chịu mức hình phạt thấp hơn.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều có thời gian tham gia quân đội. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

So sánh quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm, cao hơn so với mức hình phạt tù từ một năm đến năm năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho người phạm tội, theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, và căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử cần quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra, để cải tạo giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung, nhất là trong bối cảnh hiện nay tội phạm ma túy có chiều hướng gia tăng và ngày càng phức tạp.

[4] Về xử lý vật chứng và về các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe máy Honda Airblade các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy là tài sản hợp pháp của anh Trịnh Quang T. Ngày 13 tháng 4 năm 2017 anh T3 cho T1 mượn xe nhưng không biết T1 sử dụng xe để đi mua ma túy. Ngày 26 tháng 6 năm 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại anh T3 chiếc xe trên. Xét thấy việc trả tài sản của cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng chủ sở hữu, anh T3 đã nhận lại xe và không có ý kiến đề nghị gì, do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về nguồn gốc số ma túy, Nguyễn Hữu T và Đoàn Hữu T khai mua của một người phụ nữ không quen biết tại khu vực C, thuộc phường Q, thành phố Thái Bình nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T, bị cáo Đoàn Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2] Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2017.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đoàn Hữu T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2017.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Nguyễn Hữu T còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 125/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân TPTB;
- Cơ quan điều tra Công an TPTB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPTB;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thùy Dương

